

ĐIỂM THI

Lớp: Bồi dưỡng KT QLNN ngạch chuyên viên chính Khóa 01

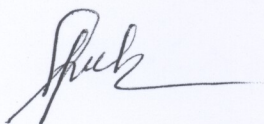
Môn: Phần II Những kỹ năng cơ bản

Giảng viên chấm: Trương Thị Phương; Lương Thị Bằng; Hoàng Thị Quế; Văn Thị Như Quỳnh

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Bùi Huy An	6.75	Sáu phẩy bảy năm	33	Hoàng Việt Hưng	8.0	Tám
2	Nguyễn Quỳnh Anh	6.75	Sáu phẩy bảy năm	34	Hứa Huyền Hương	7.5	Bảy phẩy năm
3	Nguyễn Ngọc Anh	7.5	Bảy phẩy năm	35	Đàm Văn Hữu	6.0	Sáu
4	Tô Vũ Biên	7.5	Bảy phẩy năm	36	Tô Mạnh Khởi	7.25	Bảy phẩy hai năm
5	Võ Thị Bình	7.5	Bảy phẩy năm	37	Trần Văn Nam	6.25	Sáu phẩy hai năm
6	Bế Văn Bưu	7.25	Bảy phẩy hai năm	38	Trần Hoài Nam	7.50	Bảy phẩy năm
7	Nông Tuấn Cương	7.75	Bảy phẩy bảy năm	39	Nông Trường Ninh	7.50	Bảy phẩy năm
8	Phùng Văn Chiến	7.5	Bảy phẩy năm	40	Hoàng Văn Ngoan	7.25	Bảy phẩy hai năm
9	Đỗ Hồng Chuyên	7.5	Bảy phẩy năm	41	Đình Lưu Ngọc	6.5	Sáu phẩy năm
10	Hoàng Ngọc Diệp	7.5	Bảy phẩy năm	42	Ma Kiên Ngọc	7.5	Bảy phẩy năm
11	Nông Xuân Diệu	8.25	Tám phẩy hai năm	43	Nguyễn Thị Nhung	7.75	Bảy phẩy bảy năm
12	Nguyễn Thị Diệu	8.75	Tám phẩy bảy năm	44	Phạm Thị Kim Oanh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
13	Nông Thị Dung	8.5	Tám phẩy năm	45	Nông Văn Phong	7.0	Bảy
14	Triệu Thị Kiều Dung	8.25	Tám phẩy hai năm	46	Phạm Huy Phúc	7.75	Bảy phẩy bảy năm
15	Lê Kim Dung	8.5	Tám phẩy năm	47	Hoàng Thị Phượng	8.0	Tám
16	Nông Minh Dũng	8.25	Tám phẩy hai năm	48	Vũ Trường Sơn	8.5	Tám phẩy năm
17	Ngô Khánh Du	8.25	Tám phẩy hai năm	49	Nông Ngọc Tân	5.75	Năm phẩy bảy năm
18	Bế Ngọc Dương	6.75	Sáu phẩy bảy năm	50	Lương Văn Tiềm	6.00	Sáu
19	Bế Ngọc Dương	7.25	Bảy phẩy hai năm	51	Hoàng Thanh Toàn	8.5	Tám phẩy năm
20	Triệu Ngọc Đoán	7.25	Bảy phẩy hai năm	52	Nông Quốc Toàn	7.25	Bảy phẩy hai năm
21	Bế Thị Giang	7.5	Bảy phẩy năm	53	Hoàng Văn Thanh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
22	Vũ Ngọc Giang	8.0	Tám	54	Triệu Đình Thăng	8.0	Tám
23	Nguyễn Sơn Hà	7.25	Bảy phẩy hai năm	55	Nông Văn Thân	8.25	Tám phẩy hai năm
24	Đàm Thu Hằng	8.5	Tám phẩy năm	56	Đình Thị Thủy	8.25	Tám phẩy hai năm
25	Nguyễn Thị Hằng	8.0	Tám	57	Đào Thị Thúy	8.5	Tám phẩy năm
26	Đình Ngọc Hiến	7.5	Bảy phẩy năm	58	Hoàng Thị Thương	7.25	Bảy phẩy hai năm
27	Bùi Thúy Hoa	6.75	Sáu phẩy bảy năm	59	Hoàng Thị Thu Trang	7.5	Bảy phẩy năm
28	Hoàng Khánh Hòa	7.25	Bảy phẩy hai năm	60	Lê Thị Như Trang	7.0	Bảy
29	Đặng Thu Hồng	7.25	Bảy phẩy hai năm	61	Trần Minh Trung	5.75	Năm phẩy bảy năm
30	Phương Quang Huy	7	Bảy	62	Nông Văn Uyên	7.25	Bảy phẩy hai năm
31	Ma Thị Huyền	7.5	Bảy phẩy năm	63	Vũ Long Vân	7.0	Bảy
32	Nguyễn Việt Hưng	7.75	Bảy phẩy bảy năm	64	Lê Thị Kiều Vân	8.75	Tám phẩy bảy năm

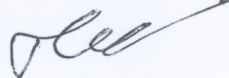
Điểm 5,75: 02 điểm; Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 04 điểm; Điểm 7,00: 04 điểm; Điểm 7,25: 11 điểm; Điểm 7,50: 14 điểm; Điểm 7,75: 06 điểm; Điểm 8,00: 05 điểm; Điểm 8,25: 06 điểm; Điểm 8,50: 06 điểm; Điểm 8,75: 02 điểm ./.

GHI ĐIỂM



Hoàng Thị Quế

**PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG**



Tô Vũ Ninh

**BGH PHÊ DUYỆT
PHÓ HIỆP TRƯỞNG**



Bế Dũng